

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II
MÔN ĐỊA LÝ 9
Năm học 2021-2022
Thời gian : 45 phút

Mã đề 904

I. Trắc Nghiệm (7 điểm)

Câu 1 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29 cho biết Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào?

A. Bạc Liêu B. Sóc Trăng C. Cà Mau **D. Kiên Giang**

Câu 2: Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ đối với sự phát triển kinh tế là:

A. Ít khoáng sản, rừng và ô nhiễm môi trường.

B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.

C. Tài nguyên sinh vật hạn chế và suy thoái.

D. Chỉ có 2 tỉnh và thành phố giáp biển.

Câu 3: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố

A. 12 B. 14 **C. 13** D. 15

Câu 4: Thành phố Hồ Chí Minh chiếm bao nhiêu % giá trị sản xuất công nghiệp toàn vùng

A. 40% B. 60% **C. 50%** D. 70%

Câu 5: Đặc điểm không đúng về tự nhiên vùng Đông Nam Bộ

A. Địa hình đồng bằng.

B. Đất ba dan, đất xám chủ yếu.

C. Khoáng sản đất liền ít.

D. Khí hậu cận xích đạo.

Câu 6: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 30 cho biết Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố

A. 8. B. 9. **C. 7.** D. 6.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29 cho biết cây công nghiệp lâu năm có diện tích lớn nhất vùng ĐNB là:

A. Cao su.

B. Điều.

C. Hồ tiêu.

D. Cà phê.

Câu 8: Các mặt hàng xuất khẩu của vùng Đông Nam Bộ

A. Dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng may mặc, giày dép.

B. Dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng cao cấp, hàng may mặc.

C. Dầu thô, thực phẩm chế biến, máy móc thiết bị, giày dép.

D. Dầu thô, nguyên liệu sản xuất, máy móc thiết bị, hàng may mặc.

Câu 9: Cho bảng số liệu

Dân số và sản lượng lương thực của cả nước và các vùng năm 2018

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào không nằm ở vùng Đông Nam Bộ?

- A.** Tân An. **B.** Biên Hòa. **C.** Vũng Tàu. **D.** Thủ Dầu Một.

Câu 18: Trong cơ cấu các ngành công nghiệp vùng ĐBSCL, ngành nào chiếm tỉ trọng cao nhất

- A.** Sản xuất vật liệu xây dựng. **B.** Cơ khí nông nghiệp.
C. Sản xuất hàng tiêu dùng. **D.** Chế biến lương thực, thực phẩm.

Câu 19: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là:

- A.** Đất badan và đất feralit. **B.** Đất badan và đất xám.
C. Đất xám và đất phù sa. **D.** Đất phù sa và đất feralit.

Câu 20: Những khó khăn chính về điều kiện tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A.** Nước biển dâng. **B.** Cả 3 ý trên.
C. Lũ lụt xảy ra hàng năm. **D.** Đất nhiễm mặn, nhiễm phèn.

Câu 21: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất vùng ĐBSCL

- A.** Đất mặn. **B.** đất xám trên phù sa cổ.
C. Đất phù sa ngọt. **D.** Đất phèn.

Câu 22: Khoáng sản chính ở ĐBSCL là:

- A.** Dầu mỏ, khí đốt. **B.** Đá quý, vàng.
C. Đá vôi, than bùn. **D.** Than đá, sắt.

Câu 23: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29 cho biết tỉnh có giá trị sản xuất công nghiệp từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng là

- A.** Cần Thơ. **B.** Long Xuyên. **C.** Kiên Giang. **D.** Sóc Trăng.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas địa lí trang 29 cho biết cần thơ không có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A.** Vật liệu xây dựng **B.** Đóng tàu **C.** Hóa chất **D.** Cơ khí

Câu 25: Ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm vùng ĐNB phát triển theo hướng

- A.** Chăn nuôi tư nhân. **B.** Chăn nuôi theo hướng công nghiệp.
C. Chăn nuôi hộ gia đình. **D.** Cả 3 ý trên.

Câu 26: Trong cơ cấu kinh tế của vùng ĐNB, khu vực kinh tế nào chiếm tỉ trọng cao nhất là:

- A.** Lâm, ngư nghiệp. **B.** Công nghiệp – xây dựng.
C. Nông nghiệp. **D.** Dịch vụ.

Câu 27: Khu vực dịch vụ ở ĐBSCL gồm chủ yếu các ngành nào

- A.** Vận tải đường ống, bưu chính viễn thông, du lịch.
B. Vận tải đường hàng không, xuất nhập khẩu, du lịch.
C. Xuất nhập khẩu, vận tải thủy, du lịch.
D. Bưu chính viễn thông, vận tải thủy, du lịch.

Câu 28: Đồng bằng Sông Cửu Long được bù đắp phù sa của sông?

- A.** Sông Hồng **B.** Mê Công **C.** Thái Bình **D.** Đồng Nai

II/ Phần tự luận: 3 đ

Câu 1: Trình bày những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế

----- *Hết* -----